

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
Chương trình Sinh học 7
CHỦ ĐỀ 1. NGÀNH ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH
TIẾT 5: ĐẶC ĐIỂM CHUNG VÀ VAI TRÒ THỰC TIỄN CỦA
ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH

Phân hướng dẫn

- Dưới đây là phiếu hướng dẫn học tập. Phiếu gồm có 2 cột: một, hướng dẫn học tập và hai là phần ghi bài.
- Học sinh đọc kỹ và thực hiện theo yêu cầu ở phần **Hướng dẫn học tập**, sau đó ghi bài vào vở.

HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

GHI BÀI

Với khoảng 40 nghìn loài ĐVNS phân bố ở khắp nơi.
 Vậy giữa chúng có đặc điểm gì chung, có vai trò như thế nào?

CHỦ ĐỀ 1. NGÀNH
ĐỘNG VẬT NGUYÊN
SINH
TIẾT 5: ĐẶC ĐIỂM
CHUNG VÀ VAI TRÒ
THỰC TIỄN CỦA
ĐỘNG VẬT NGUYÊN
SINH

Em hãy quan sát trùng roi, trùng giày, trùng biến hình, trùng kiết lị và trùng sốt rét đã học, hoàn thành bảng 1 SGK trang 26 và cho biết:

Bảng 1. Đặc điểm chung ngành Động vật nguyên sinh

STT	Đại diện	Kích thước		Cấu tạo từ		Thức ăn	Bộ phận di chuyển	Hình thức sinh sản
		Hiện vi	Lớn	1 tế bào	Nhiều tế bào			
1	Trùng roi							
2	Trùng biến hình							
3	Trùng giày							
4	Trùng kiết lị							
5	Trùng sốt rét							
	Kí hiệu hay cụm từ lựa chọn	✓		✓		- Vi khuẩn - Vụn hữu cơ... - Hồng cầu	- Roi, lông bơi, chân giả. - Tiêu giảm - Không có	- Phân đôi. - Phân nhiều. - Tiếp hợp.

I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG.

- Động vật nguyên sinh có đặc điểm:
- + Cơ thể chỉ là 1 TB đảm nhận mọi chức năng sống.
- + Dinh dưỡng chủ yếu bằng cách dị dưỡng.
- + Sinh sản vô tính và hữu tính.

- + Động vật nguyên sinh sống tự do có đặc điểm gì?
- + Động vật nguyên sinh sống kí sinh có đặc điểm gì?
- + Động vật nguyên sinh có đặc điểm chung gì?

Em hãy nghiên cứu SGK và quan sát H7.1-2 SGK tr.27. hoàn thành bảng 2.

Vai trò thực tiễn	Tên các động vật
Làm thức ăn cho động vật nhỏ, đặc biệt giáp xác nhỏ.	
Gây bệnh ở động vật.	
Gây bệnh ở người.	
Có ý nghĩa về địa chất.	

II. VAI TRÒ THỰC TIỄN CỦA ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH.

- Làm thức ăn cho động vật nhỏ, đặc biệt giáp xác nhỏ.
- Có ý nghĩa về địa chất.
- Gây bệnh ở động vật, ở người.

III. LUYỆN TẬP

- Hs hoàn thành bài vào tập.

Câu 1: Động vật nguyên sinh sống kí sinh thường có đặc điểm nào?

- Cơ quan di chuyển thường tiêu giảm hoặc kém phát triển.
- Dinh dưỡng theo kiểu hoại sinh.
- Sinh sản vô tính với tốc độ nhanh.
- Cả 3 phương án trên đều đúng.

Câu 2: Phát biểu nào sau đây về động vật nguyên sinh là đúng?

- Cơ thể có cấu tạo đơn bào.
- Chỉ sống kí sinh trong cơ thể người.
- Hình dạng luôn biến đổi.
- Không có khả năng sinh sản.

Câu 3: Nhóm nào dưới đây gồm toàn những động vật nguyên sinh có chân giả?

- Trùng biến hình, trùng sốt rét, trùng lỗ.
- Trùng biến hình, trùng kiết lị, trùng lỗ.
- Trùng kiết lị, trùng roi xanh, trùng biến hình.
- Trùng giày, trùng kiết lị, trùng sốt rét.

Câu 4: Động vật nguyên sinh có vai trò nào dưới đây?

- Thức ăn cho các động vật lớn.
- Chỉ thị độ sạch của môi trường nước.
- Chỉ thị địa tầng, góp phần cấu tạo vỏ Trái Đất.

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
- Đọc trước bài 8.

IV. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:

- Hs hoàn thành bài vào tập.

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
Chương trình Sinh học 7
CHỦ ĐỀ 2: RUỘT KHOANG
TIẾT 1: THỦY TỨC

Phần hướng dẫn

- Dưới đây là phiếu hướng dẫn học tập. Phiếu gồm có 2 cột: một, hướng dẫn học tập và hai là phần ghi bài.
- Học sinh đọc kỹ và thực hiện theo yêu cầu ở phần **Hướng dẫn học tập**, sau đó ghi bài vào vở.

HƯỚNG DẪN HỌC TẬP	GHI BÀI
<i>Trong các tiết trước chúng ta đã nghiên cứu xong một số động vật có cấu tạo cơ thể rất đơn giản đó là những động vật cơ thể chỉ có một tế bào. Tiết này ta chuyển sang nghiên cứu động vật có cấu tạo phức tạp hơn là động vật đa bào đại diện là ngành Ruột khoang</i>	CHỦ ĐỀ: RUỘT KHOANG BÀI 8. THỦY TỨC
Em hãy quan sát H8.1- 2, đọc thông tin SGK tr.29 trả lời câu hỏi: + Trình bày hình dạng cấu tạo ngoài của thủy tức? + Thủy tức sinh sản như thế nào ? Mô tả bằng lời 2 cách di chuyển?	I. HÌNH DẠNG NGOÀI VÀ DI CHUYỂN CỦA THỦY TỨC. - Cấu tạo ngoài: Hình trụ dài. + Phần dưới là đế : dùng để bám. + Phần trên có lỗ miệng, xung quanh có tua miệng. + Đối xứng tỏa tròn . + Di chuyển kiểu sâu đo, kiểu lộn đầu, bơi.
- Em hãy quan sát hình cắt dọc của thủy tức, đọc thông tin bảng 1, hoàn thành bảng 1 trong SGK tr.30 trả lời câu hỏi: + Trình bày cấu tạo trong của thủy tức?	II. CẤU TẠO TRONG. - Thành cơ thể gồm 2 lớp: + Lớp ngoài gồm TB gai TB thần kinh, TB mô bì cơ. + Lớp trong: TB mô cơ- tiêu hóa. + Giữa 2 lớp là tầng keo mỏng. + Lỗ miệng thông với khoang tiêu hóa ở giữa (gọi là ruột túi).
Em hãy quan sát tranh thủy tức bắt mồi, kết hợp thông tin SGK tr.31 trả lời câu hỏi: + Thủy tức đưa mồi vào miệng bằng cách nào? + Nhờ loại TB nào của cơ thể thủy tức tiêu hoá được mồi? + Thủy tức thải bã bằng cách nào? + Thủy tức dinh dưỡng bằng cách nào?	III. DINH DƯỠNG CỦA THỦY TỨC. - Thủy tức bắt mồi bằng tua miệng, quá trình tiêu hóa thức ăn thực hiện ở khoang tiêu hóa nhờ dịch từ TB tuyến - Sự trao đổi khí được thực hiện qua thành cơ thể.
Em hãy thông tin SGK tr.31 trả lời câu hỏi. + Thủy tức có những kiểu sinh sản nào? + Mô tả trên tranh kiểu sinh sản của thủy tức.	IV. Sinh sản. - Các hình thức sinh sản. + Sinh sản vô tính: Bằng cách mọc chồi + Sinh sản hữu tính: Bằng cách hình

	thành TB sinh dục đực cái. + Tái sinh: 1 phần cơ thể tạo nên cơ thể mới.
Câu 1. Hình dạng của thuỷ tức là A. dạng trụ dài. B. hình cầu. C. hình đĩa. D. hình nấm. Câu 2. Thuỷ tức có di chuyển bằng cách nào? A. Di chuyển kiểu lộn đầu. B. Di chuyển kiểu sâu đo. C. Di chuyển bằng cách hút và nhả nước. D. Cả A và B đều đúng. Câu 3. Hình thức sinh sản vô tính của thuỷ tức là gì? A. Phân đôi. B. Mọc chồi. C. Tạo thành bào tử. D. Cả A và B đều đúng. Câu 4. Phát biểu nào sau đây về thuỷ tức là đúng? A. Sinh sản hữu tính bằng cách tiếp hợp. B. Sinh sản vô tính bằng cách tạo bào tử. C. Lỗ hậu môn đối xứng với lỗ miệng. D. Có khả năng tái sinh.	V. LUYỆN TẬP - Hs hoàn thành bài vào tập.
- Học bài và trả lời câu hỏi SGK - Đọc mục “ Em có biết”.	VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ: - Hs hoàn thành bài vào tập.